TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **95**/2022/DS-ST
Ngày 07-9-2022
V/v tranh chấp hụi
và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Lắm

Ông Trịnh Thanh Trần

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc "Tranh chấp hụi và hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Ông Đặng Tới A, sinh năm 1980 (vắng mặt).

2. Bà Dương Thị B, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Vợ chồng ông Đặng Tới A và bà Dương Thị B có tham gia 01 phần trong dây hụi mở ngày 28/9/2014 âm lịch do bà làm chủ, loại hụi 500.000 đồng, tổng số 31 phần. Ngày 28/12/2014 âm lịch, bà B, ông A kêu giá 200.000 đồng hốt được số tiền 9.350.000 đồng vào kỳ khui hụi thứ 04, sau đó đóng lại hụi chết đến hết tháng 12/2016. Từ tháng 01/2017 đến khi mãn dây hụi là tháng 3/2017 âm lịch, bà B, ông

A không đóng hụi chết nên bà phải đóng thay cho bà B, ông A 03 kỳ bằng 1.500.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 29/8/2014 bà có cho ông Đặng Tới A và bà Dương Thị B vay 01 chỉ vàng 24K. Ngày 03/5/2021, Tổ hòa giải ấp 11, xã Khánh Tiến có lập biên bản hòa giải về việc tranh chấp tài sản. Tại biên bản hòa giải, bà B đã thừa nhận còn thiếu bà 1.500.000 đồng tiền hụi và 01 chỉ vàng 24K, cam kết trả hàng tháng nhưng không thực hiện. Do đó, bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Đặng Tới A và bà Dương Thị B trả cho bà 1.500.000 đồng tiền hụi và 01 chỉ vàng 24K.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Đặng Tới A và bà Dương Thị B không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đặng Tới A và bà Dương Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hụi và hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 1.500.000 đồng tiền hụi xuất phát từ dây hụi mở ngày 28/9/2014 âm lịch và 01 chỉ vàng 24K cho vay vào ngày 29/8/2014. Theo Biên bản hòa giải ngày 03/5/2021 tại trụ sở ấp 11, xã Khánh Tiến, bà B đã thừa nhận còn thiếu bà C 1.500.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K, đồng thời thỏa thuận thời gian trả nợ. Tuy nhiên bà B không thực hiện theo đúng thỏa thuận. Nội dung Biên bản hòa giải phù hợp với đơn khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Mặc dù tại Biên bản hòa giải chỉ có bà B tham gia nhưng do bà B và ông A là vợ chồng, ông A không có văn bản thể hiện ý kiến xác định là nợ riêng của bà B nên phải ông A, bà B phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng ông Đặng Tới A và bà Dương Thị B vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý

kiến nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ nên cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 1.500.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông A, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của bà C được Tòa án chấp nhận cụ thể: (1.500.000 đồng + 5.140.000 đồng) x 5% = 332.000 đồng.

(Giá vàng 24K tại thời điểm xét xử là 5.140.000 đồng/chỉ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 471, 474, 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Buộc ông Đặng Tới A và bà Dương Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng và 01 (một) chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Ông Đặng Tới A và bà Dương Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 332.000 (ba trăm ba mươi hai nghìn) đồng (chưa nộp).

(Giá vàng 24K tại thời điểm xét xử là 5.140.000 đồng/chỉ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý